


PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

Phiếu An Toàn Hóa Chất	Logo của doanh nghiệp
Tên sản phẩm SODIUM HYDROXIDE (NaOH – Xút)	
Số CAS: 1310-73-2 Số UN: 1824 Số đăng ký EC: không có Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: không có Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: không có	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: Natri Hidroxit	Mã sản phẩm:
- Tên thương mại: SODIUM HYDROXIDE	
- Tên khác (không là tên khoa học): Xút ăn da, Kiềm ăn da, Natri hydrat, dung dịch kiềm, soda ăn mòn, soda kiềm	
- Tên nhà cung cấp: Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang - Địa chỉ : Tổ 19 - Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội - Văn phòng - Kho hàng : Số 26, ngõ 53 Phố Đức Giang Long Biên - Hà Nội ĐT: 04 38 273 831 Fax : 04 36 559 856	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang - Địa chỉ : Tổ 19 - Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội - Văn phòng - Kho hàng : Số 26, ngõ 53 Phố Đức Giang - Long Biên - Hà Nội ĐT: 04 38 273 831 Fax : 04 36 559 856
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
- Mục đích sử dụng: làm nguyên phụ liệu sx giấy, dệt nhuộm, chất tẩy rửa, xử lý nước	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Natri Hidroxit	1310-73-2	NaOH	45 %

PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Tỉ lệ J.T. Baker SAF-T-DATA^(tm) (để tham khảo):

Tiếp xúc: 4 - rất cao . Sức khoẻ: 3 - Cao (độc). Dễ cháy: 0 - Không cháy. Phản ứng: 2 - Trung bình

2. Cảnh báo nguy hiểm

- **Tổng quan:** Là chất độc hại. Nguy hiểm. Ăn mòn. Có thể gây chết ng- ời nếu nuốt phải. Hít phải gây hại. Gây bỏng nếu tiếp xúc. Phản ứng với n- ớc, axit và các nguyên vật liệu khác.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khác. Sản phẩm phải chống lại được axit. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Khi hoà tan, luôn luôn tuân thủ thêm xút ăn da vào nước chứ không bao giờ được làm ngược lại. Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng nhôm và mangan. Không trộn cùng axit hoặc chất hữu cơ. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: gây dị ứng có thể gây bỏng làm mù loà.

- Đường thở: gây dị ứng nghiêm trọng. Hít phải bụi có thể gây dị ứng nhẹ hoặc ảnh hưởng đến đường hô hấp, tùy thuộc mức độ hít phải. Triệu chứng bao gồm: hắt hơi, sổ mũi, đau họng. Có thể gây viêm phổi.

- Đường da: gây dị ứng hoặc bỏng hoặc tạo thành sẹo.

- Đường tiêu hóa: nếu nuốt phải có thể gây cháy miệng, họng, dạ dày. Có thể gây ra nhiều sẹo hoặc gây chết. Triệu chứng bao gồm: chảy máu, nôn, tiêu chảy, hạ huyết áp (Triệu chứng xuất hiện sau khi tiếp xúc vài ngày).

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kĩ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxy. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc nước chanh. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: không có thông tin

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy

- Không được coi là chất dễ cháy. Chất này khi nung chảy hoặc nóng phản ứng với nước. Có thể phản ứng mạnh với kim loại tạo thành khí dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Có thể phản ứng mạnh với kim loại nhôm tạo thành khí dễ cháy.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Không được coi là chất dễ cháy và dễ nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

- Sử dụng bất kì phương tiện chữa cháy nào.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

- Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn. Có thể phun nước để làm mát thùng chứa.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Có thể phản ứng mạnh với kim loại nhôm tạo thành khí hydro dễ cháy.

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2 mg/m³ (TWA) tối đa

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH.

Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa với axit loãng như axit axetic, axit clohydric hay axit sunphuric. Thấm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2 mg/m³ (TWA) tối đa

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát cơ khí, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nước, trung hòa với axit loãng như axit axetic, axit clohydric hay axit sunphuric. Thấm hoá chất còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

Đối với Natri Hidroxit: Luật (CERCLA) của US yêu cầu báo cáo việc tràn đổ, rò rỉ tới nguồn nước, đất, không khí nếu vượt lượng được báo cáo. Số lưu thông theo US Coast Guard National Response Center là: (800) 424-8802

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc với Natri Hidroxit.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Khi hoà tan, luôn tuân thủ thêm xút ăn da vào nước chứ không bao giờ được làm ngược lại. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng nhôm và magiê. Không trộn cùng axit hoặc chất hữu cơ.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: Sử dụng hệ thống thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa.

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2 mg/m³ (TWA) tối đa

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ

- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH đảm bảo giới hạn tiếp xúc không khí sau:

Giới hạn tiếp xúc cho phép của OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa

Ngưỡng giá trị giới hạn của ACGIH (TLV): 2 mg/m³ (TWA) tối đa

Nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát, sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay

- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ

- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH theo giới hạn tiếp xúc không khí sau:

Giới hạn tiếp xúc cho phép của OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa

Ngưỡng giá trị giới hạn của ACGIH (TLV): 2 mg/m³ (TWA) tối đa

Nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát, sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay

- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ

4. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: lỏng	Điểm sôi (°C): 1388°C
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 327,6°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0,16 mm Hg	Nhiệt độ tự cháy (°C) : không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: >1,0	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có
Độ hòa tan trong nước: 111g/100g nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có
Độ pH: 13-14 (0,5% dung dịch)	Tỷ lệ hoá hơi: không có thông tin

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

Khối lượng riêng (kg/m ³) : không có thông tin	Mật độ tương đối: 2,13
--	------------------------

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định: ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường. Rất hút ẩm. Có thể hút ẩm từ không khí và hình thành Natri cacbonat.

2. Khả năng phản ứng

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Natri Hidroxit. Phân hủy do phản ứng với các kim loại sẽ sinh ra khí hydro dễ cháy, nổ.

- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

- Phản ứng tương khắc: Natri Hidroxit phản ứng mạnh khi tiếp xúc với axit, các hợp chất halogen hữu cơ, đặc biệt là tricloethylene (C₂HCl₃)- loại dung môi để làm sạch. Tiếp xúc với nitromethan (CH₃NO₂) và các hợp chất nitro tương tự như vậy sẽ hình thành hỗn hợp muối không chịu va đập. Tiếp xúc với các kim loại như: nhôm, magiê, thiếc, kẽm có thể hình thành khí hydro dễ cháy. Thậm chí Natri Hidroxit trong dung dịch loãng cũng phản ứng mạnh với nhiều loại đường khác nhau sinh ra cacbon monoxit. Phải tuân thủ cảnh báo: kiểm tra không khí trong thùng chứa xem có cacbon monoxit hay không để đảm bảo an toàn cho người trước khi mở bình chứa.

- Nên tránh: độ ẩm, sự hình thành bụi, nhôm axit.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Natri Hidroxit	500mg/24giờ, nặng	kích ứng da	da	Thỏ
Natri Hidroxit	50ug/24giờ, nặng	kích ứng mắt	mắt	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Nghiên cứu Natri Hidroxit trên Thỏ là tác nhân gây đột biến, kết quả theo bảng sau:

-----\Gây ung thư \-----

--

---Chất sinh gây ung thư NTP -

--

Thành phần

Đã có Sẽ có IARC

Natri Hidroxit (1310-73-2)

Không Không Không

2. Các ảnh hưởng độc khác: không có thông tin.

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Natri Hidroxit	Thỏ	500mg/24giờ, nặng	Không gây đột biến
Natri Hidroxit	Thỏ	50ug/24giờ, nặng	Không gây đột biến

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

- Xử lý, tái chế rác thải theo luật định của địa phương, quốc gia, liên bang. Tiêu hủy cả những thùng chứa, và chất còn lại khi không sử dụng

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy

- Coi như rác thải nguy hại và tiêu hủy trong lò thiêu chất thải theo tiêu chuẩn RCRA hay theo những phương pháp tiêu hủy chất thải theo tiêu chuẩn RCRA

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: trung hoà bằng axit tạo muối và nước không độc hại

PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN Nội địa:Đất,D.O.T	1824	Natri Hidroxit (chất lỏng)	Xếp loại nguy hiểm: 8		không có thông tin	300LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... - Quốc tế: nước, I.M.O	1824	SODIUM HYDROXIDE (Solid)	Xếp loại nguy hiểm: 8		không có thông tin	300LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới

-----\ Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 1\-----

-

Thành phần	TSCA	EC	Japan
Australia			
-----	---	---	-----
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Có	Có	Có

-----\ Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 2\-----

--

Thành phần	--Canada--		
Phil.	Korea DSL	NDSL	
-----	----	---	-----
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Có	Có	Không
Có			

-----\ Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 1\-----

-

	-SARA 302-	-----SARA 313-----
Thành phần	RQ	TPQ
Catg.		List Chemical
-----	---	-----
Natri Hidroxit (1310-73-2)	Không	Không
	Có	Không

-----\ Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 2\-----

Thành phần	-RCRA-	-TSCA-
	CERCLA	261.33
		8(d)

PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

Natri Hidroxit (1310-73-2)	1000	Không	Không
Hiệp ước vũ khí hoá học: Không	TSCA 12(b): Không	CDTA: Có	
SARA 311/312: Độc cấp tính: Có	Độc mãn tính: Không	Cháy: Không	Áp suất: Không
Phản ứng: Có	(Nguyên chất / Chất lỏng)		
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: theo thông tin đăng kí, khai báo trên			

PHẦN XVI: Thông tin khác

Tỷ lệ NFPA:
- Sức khoẻ: 3
- Phản ứng: 1
- Dễ cháy: 0

Tem cảnh báo nguy hiểm:
Là chất độc hại. Nguy hiểm. Có thể gây chết ng- ời nếu nuốt phải. Hít phải gây hại. Gây bỏng nếu tiếp xúc. Phản ứng với n- ớc, axit và các nguyên vật liệu khác.

Tem an toàn:
- Không để hoá chất bắn vào mắt, da, quần áo.
- Không hít phải bụi.
- Giữ các thùng chứa luôn kín.
- Sử dụng hệ thống thông gió tốt.
- Rửa tay ngay sau khi sử dụng.

Tem sơ cứu:
- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống một lượng nước lớn. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì nếu nạn nhân bất tỉnh. Trong trường hợp tiếp xúc: rửa mắt hoặc da bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào. Nếu tiếp xúc qua đường hô hấp: chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Phải có sự chăm sóc y tế trong mọi trường hợp tiếp xúc.

Mục đích sử dụng: sản xuất giấy, dệt nhuộm, sản xuất các muối Natri, xử lý nước.

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang

Lưu ý người đọc:
Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT CÔNG NGHIỆP ĐỨC GIANG